TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Từ câu view đến ly gián: nhận diện nội dung phá hoại niềm tin tôn giáo

ISSN: 2734-9195 09:00 28/04/2026

Bảo vệ Phật giáo trên không gian số không chỉ là bảo vệ hình ảnh của một tôn giáo, mà còn là bảo vệ một cách ứng xử văn minh trong đời sống công cộng: tranh luận mà không hằn học, phản biện mà không phá hoại, khác biệt mà không chia rẽ.

Có những đối tượng làm nội dung trên mạng xã hội với mục đích rõ ràng là kiếm tiền, có thể họ chẳng hiểu gì về Phật giáo nhưng chủ đề liên quan đến **Phật giáo** được họ khai thác để kiếm tương tác. Ngoài ra, có nhóm nội dung không phải vì kiếm view, kiếm tiền mà có chủ đích bôi xấu, phá hoại thì cần được nhận diện rõ.

Nhóm nội dung này có mục đích nhiễu sự hỗn loạn nhận thức, sự ngờ vực lan rộng, gieo rắc tâm lý đối kháng, ngờ vực trong các hội nhóm và cộng đồng.

Điều đáng lo là trên bề mặt, hai dạng nội dung này đôi khi rất giống nhau, cũng là giật tít, cắt ghép, cùng là giọng điệu "*vạch trần*". Nhưng nếu quan sát kỹ, có thể thấy khác biệt ở mục tiêu vận hành.

Với nội dung câu view, mục tiêu chính là giữ tương tác. Họ có thể đổi chủ đề rất nhanh: hôm nay Phật giáo, ngày mai nghệ sĩ, ngày kia chính trị, miễn là có view. Còn với nội dung có khuynh hướng gây phân cực, làm suy giảm niềm tin xã hội, chủ đề thường được lặp đi lặp lại theo một mô thức nhất quán: tấn công niềm tin, bôi xấu giá trị truyền thống, đẩy công chúng vào tâm thế khinh miệt và chia rẽ.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ (sưu tầm).

Biểu hiện thường gặp của dạng nội dung này là gì?

Trước hết là đánh đồng cá biệt với toàn thể. Một sự việc riêng lẻ bị biến thành lý do để phủ nhận toàn bộ đời sống tu học, toàn bộ Tăng đoàn, thậm chí toàn bộ giá trị tôn giáo. Đây không còn là phản biện hiện tượng mà là cách triệt tiêu niềm tin.

Tiếp theo là xây dựng thế đối kháng giả tạo: tôn giáo đối nghịch với tiến bộ, tu hành đối nghịch với yêu nước, chùa chiền đối nghịch với phát triển xã hội. Những cặp đối lập này nghe có vẻ "*mạnh*", nhưng nếu đối chiếu lịch sử Việt Nam thì đều rất khiên cưỡng. Chính sự khiên cưỡng ấy cho thấy mục tiêu không phải tìm hiểu sự thật, mà là tạo cảm giác xã hội đang bị một *"thế lực tôn giáo"* cản trở, từ đó kích hoạt phản ứng bài xích.

Một biểu hiện khác là liên tục kích hoạt tâm lý phe phái trong nội bộ Phật giáo. Họ không chỉ nói xấu một cá nhân, họ muốn người xem kéo theo cả một hệ phái, một truyền thống, một vùng miền vào cuộc đối đầu. Khi đó, mâu thuẫn không còn là tranh luận nội dung nữa, mà trở thành "*chiến tuyến cảm xúc*".

Vì sao điều này lại nguy hiểm ở cấp độ xã hội? Bởi **tôn giáo**, trong đó có Phật giáo, không chỉ là niềm tin cá nhân. Tôn giáo còn là một thành tố của đời sống văn hóa, đạo đức cộng đồng và kết nối xã hội. Khi một bộ phận công chúng bị dẫn dắt vào tâm thế chế giễu, khinh miệt hoặc thù ghét tôn giáo dựa trên thông tin méo mó, điều bị bào mòn không chỉ là hình ảnh một vài cá nhân, mà là nền tảng tin cậy xã hội.

Trong **lịch sử Việt Nam**, tôn giáo (trong đó có Phật giáo) không hề tách rời đất nước, mà nhiều thời kỳ còn đồng hành với dân tộc, góp phần vào văn hóa, đạo đức, giáo dục, an sinh, thậm chí cả công cuộc dựng nước và giữ nước.

Tổ Khuông Việt (Ngô Chân Lưu, 933–1011)

Tổ Khuông Việt sinh năm 933, là bậc cao tăng tiêu biểu của Phật giáo Việt Nam thế kỷ X. Năm 971, dưới triều Đinh Tiên Hoàng (968–979), Ngài được suy tôn làm Quốc sư, trở thành vị Quốc sư đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Sang triều Tiền Lê (980–1009), Quốc sư Khuông Việt tiếp tục giữ vai trò cố vấn tinh thần và chính trị cho triều đình, trực tiếp tham gia hoạch định nhiều vấn đề quốc gia đại sự. Sự hiện diện của Ngài góp phần quan trọng vào việc ổn định xã hội, củng cố nền độc lập non trẻ của Đại Cồ Việt sau hơn một nghìn năm Bắc thuộc, đặt nền móng cho mối quan hệ gắn bó giữa Phật giáo và nhà nước phong kiến độc lập đầu tiên của Việt Nam.

Thiền sư Vạn Hạnh (938–1018)

Thiền sư Vạn Hạnh sinh năm 938, là bậc cao tăng có ảnh hưởng sâu rộng cuối thời Tiền Lê và đầu thời Lý. Với tầm nhìn chính trị – xã hội sắc bén và uy tín lớn trong giới tăng lữ lẫn quần chúng, Ngài đóng vai trò then chốt trong việc định hướng và ủng hộ Lý Công Uẩn lên ngôi năm 1009, mở ra triều Lý (1009–1225). Dưới triều Lý, Phật giáo được xem là nền tảng tinh thần và đạo đức quốc gia, thấm sâu vào chính sách cai trị với tinh thần từ bi, khoan dung và nhân bản. Thiền sư Vạn Hạnh không chỉ là bậc thầy tâm linh, mà còn là biểu tượng tiêu biểu của Phật giáo nhập thế, gắn trí tuệ Phật học với vận mệnh dân tộc.



Thiền sư Vạn Hạnh. Hình ảnh sưu tầm.

Vua Trần Nhân Tông (1258–1308)

Vua Trần Nhân Tông sinh năm 1258, lên ngôi năm 1278, là vị minh quân tiêu biểu của triều Trần (1226–1400). Ngài trực tiếp lãnh đạo và cùng triều đình, nhân dân Đại Việt làm nên hai chiến thắng lịch sử trước quân Nguyên – Mông

vào các năm 1285 và 1288, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Năm 1293, Trần Nhân Tông nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông; đến năm 1299, Ngài chính thức xuất gia, tu hành tại núi Yên Tử và sáng lập Thiền phái Trúc Lâm – dòng thiền mang bản sắc Việt Nam. Trần Nhân Tông qua đời năm 1308, để lại dấu ấn đặc biệt khi thống nhất lý tưởng tu hành với trách nhiệm công dân, kết tinh trọn vẹn tinh thần hộ quốc – an dân của Phật giáo Việt Nam.

Hay trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của dân tộc, đặc biệt là kháng chiến chống thực dân Pháp (1945–1954) và chống đế quốc Mỹ (1954–1975), Phật giáo Việt Nam chưa bao giờ chọn đứng ngoài vận mệnh đất nước. Khi độc lập dân tộc bị đe dọa, tăng ni và phật tử đã nhập thế một cách tự nhiên, không bằng khẩu hiệu hay diễn ngôn, mà bằng những hành động cụ thể, lặng lẽ và đầy hy sinh. Nhiều chùa chiền trên cả nước trở thành cơ sở cách mạng, nơi nuôi giấu cán bộ, làm điểm liên lạc bí mật, in ấn tài liệu và che chở cho phong trào kháng chiến. Không ít tăng, ni trực tiếp tham gia công tác giao liên, y tế, hậu cần, chăm sóc thương binh, cứu trợ đồng bào trong bom đạn, đặc biệt tại các vùng tự do và vùng địch tạm chiếm.

Có những tăng sĩ đã rời bỏ đời sống tu hành hình thức, trực tiếp tham gia lực lượng kháng chiến, chấp nhận hy sinh tính mạng vì độc lập, tự do của tổ quốc – hiện thân rõ nét của tinh thần *"cởi áo cà sa, khoác chiến bào"* tiêu biểu như Chùa Cổ Lễ (nay thuộc Ninh Bình) nhiều tăng sĩ và phật tử tại đây tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào công tác hậu cần, bảo vệ cơ sở cách mạng.

Trong hoàn cảnh sinh tử ấy, Phật giáo không đặt câu hỏi: *"Hình thức này có còn đúng với khuôn mẫu tu hành hay không?"* Điều được đặt lên hàng đầu chỉ là: *"Làm sao để cứu người, cứu nước, làm sao để giảm bớt khổ đau cho dân tộc?"*

Chính trong những thời khắc khốc liệt đó, tinh thần từ bi của Phật giáo đã vượt khỏi cảm xúc, được soi sáng bởi trí tuệ và gắn chặt với trách nhiệm công dân. Đó là từ bi hành động, là nhập thế không thỏa hiệp, là biểu hiện sinh động của một Phật giáo vì con người và vì đất nước, đúng với tinh thần "*đồng hành cùng dân tộc*" xuyên suốt lịch sử Việt Nam.

Vì vậy, khi ai đó nói theo kiểu "*hoặc tôn giáo, hoặc tiến bộ*", "*hoặc tu hành, hoặc yêu nước*", thì cách trình bày ấy cho thấy trọng tâm không nằm ở kiểm chứng sự thật, mà ở kích hoạt cảm xúc đối kháng. Họ đang muốn tạo cảm giác rằng tôn giáo là một thứ "*cản đường*" xã hội, để người xem nảy sinh tâm lý khó chịu, nghi ngờ, thậm chí phản đối tôn giáo.

Trong thực tế truyền thông số, điều này thường diễn ra theo chuỗi: Một clip gây sốc xuất hiện -> Một loạt tài khoản phụ họa, trích lại, thổi thêm cảm xúc ->

Người xem bị kéo vào bình luận công kích -> Nội dung tiếp theo được sản xuất để "*thổi sân*" -> Xung đột online dần tràn sang giao tiếp ngoài đời.

Nói cách khác, đây không còn là chuyện "*nội dung độc hại*" đơn lẻ, mà là một mô thức lan truyền có thể dẫn tới hiệu ứng chia rẽ.

Một điểm rất quan trọng: bảo vệ Phật giáo không đồng nghĩa với "*bao che mọi hiện tượng*". Chính thái độ minh bạch, công tâm, có lý có tình mới làm tăng uy tín của truyền thông Phật giáo. Điều cần lên án là hành vi truyền thông phá hoại, chứ không phải dùng tôn giáo để che chắn cho bất kỳ sai sót cá nhân nào. Qua đó giúp người đọc tin rằng tiếng nói Phật giáo là tiếng nói của sự điềm tĩnh, của trí tuệ và của trách nhiệm.

Bảo vệ Phật giáo trên không gian số không chỉ là bảo vệ hình ảnh của một tôn giáo, mà còn là bảo vệ một cách ứng xử văn minh trong đời sống công cộng: tranh luận mà không hằn học, phản biện mà không phá hoại, khác biệt mà không chia rẽ. Đó cũng chính là nền tảng cần thiết để truyền thông về Phật giáo vừa giữ được sự sắc sảo, vừa giữ được lòng người.



HT. Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân và xá lợi trái tim của Ngài. Hình ảnh sưu tầm.

MỘT SỐ TĂNG SĨ TIÊU BIỂU TRONG THỜI KỲ CHỐNG MỸ (1954–1975)

1. Hòa thượng Thích Đôn Hậu (1905–1992)

Giai đoạn hoạt động nổi bật: từ sau Hiệp định Genève 1954 đến năm 1975

Địa điểm: Huế và khu vực miền Trung

Hòa thượng Thích Đôn Hậu là một trong những bậc cao tăng tiêu biểu của Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX. Trong thời kỳ đất nước bị chia cắt, Ngài gắn bó mật thiết với phong trào yêu nước, nhiều lần che chở, giúp đỡ cán bộ cách mạng và bảo vệ cơ sở Phật giáo trước sự đàn áp. Chùa do Ngài trụ trì và các cơ sở Phật giáo liên hệ được xem là điểm tựa tinh thần và hậu cần quan trọng cho phong trào đấu tranh tại miền Trung. Sau năm 1975, Ngài tiếp tục đóng vai trò lớn trong việc thống nhất Phật giáo cả nước, trở thành một trong những vị lãnh đạo tiêu biểu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trường hợp của Hòa thượng Thích Đôn Hậu thể hiện rõ tinh thần nhập thế kiên định, gắn đạo pháp với vận mệnh dân tộc trong suốt thời kỳ chiến tranh kéo dài.

2. Hòa thượng Thích Quảng Đức (1897–1963)

Mốc thời gian tiêu biểu: 11/6/1963

Địa điểm: Sài Gòn

Hòa thượng Thích Quảng Đức là biểu tượng đặc biệt của Phật giáo Việt Nam trong giai đoạn chống Mỹ. Ngày 11/6/1963, Ngài tự thiêu để phản đối chính sách đàn áp tôn giáo của chính quyền Ngô Đình Diệm, kêu gọi hòa bình, bình đẳng tôn giáo và chấm dứt bạo lực. Hành động ấy không mang tính cực đoan, mà được xem là sự hy sinh, hiến thân mạng vì lợi ích của cộng đồng, gây chấn động dư luận quốc tế, góp phần làm thay đổi cục diện chính trị – xã hội miền Nam Việt Nam lúc bấy giờ. Dù không trực tiếp cầm vũ khí, Hòa thượng Thích Quảng Đức là minh chứng sâu sắc cho "*từ bi hành động*", lấy thân mình làm tiếng nói phản chiến và bảo vệ dân tộc.

3. Thượng tọa Thích Trí Quang (1923–2019)

Giai đoạn hoạt động nổi bật: 1963–1968

Vai trò: Lãnh đạo phong trào Phật giáo đấu tranh tại miền Trung và miền Nam

Thượng tọa Thích Trí Quang là một trong những nhân vật trung tâm của Phong trào Phật giáo năm 1963 và những năm tiếp theo. Dù gây nhiều tranh luận trong lịch sử, các nghiên cứu đều ghi nhận vai trò của Ngài trong việc đấu tranh chống áp bức, bảo vệ quyền sống và quyền tín ngưỡng của quần chúng, phản đối chiến tranh và can thiệp quân sự từ bên ngoài. Cho thấy Phật giáo không đứng ngoài các vấn đề xã hội – chính trị, mà nhập thế bằng con đường bất bạo động và vận động quần chúng.

4. Tăng, ni Phật giáo miền Bắc trong kháng chiến chống Mỹ (1965–1975)

Mốc thời gian: từ khi Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc (1965) đến ngày thống nhất đất nước (1975)

Theo các tư liệu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ban Tôn giáo Chính phủ, trong giai đoạn này nhiều tăng, ni trẻ đã hoàn tục hoặc bán hoàn tục, tham gia lực lượng thanh niên xung phong, quân đội, y tế tiền phương. Nhiều chùa tại đồng bằng và trung du Bắc Bộ trở thành cơ sở hậu phương, nuôi dưỡng thương binh, sơ tán dân, tiếp tế lương thực. Dù không phải tất cả đều được ghi danh cá nhân trong chính sử, nhưng đây là một lớp tăng, ni nhập thế tập thể, góp phần quan trọng vào công cuộc kháng chiến toàn dân.

Tác giả: **Đàm Nguyễn Thành Công**

Tài liệu tham khảo:

1. Ngô Sĩ Liên và Quốc sử quán triều Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, quyển I, kỷ Nhà Đinh.

2. Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Tập II, Tập III. Nxb TP.HCM.

3. Lê Mạnh Thát, Trần Nhân Tông – Con người và sự nghiệp, Nxb TP.HCM.

4. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tư liệu về phong trào Phật giáo miền Trung thập niên 1960.

5. Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, Tập III.

6. Trần Văn Giàu, Miền Nam giữ vững thành đồng, Nxb Chính trị Quốc gia.